TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Ông Nguyễn Văn Hết.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị P, sinh năm: 1988.

Đăng ký thường trú: Ấp HP, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Số 06, đường TC, phường 7, thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Minh K, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp HP, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị P trình bày:

Chị và anh Phan Minh K tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2020. Sau khi thành hôn, chị và anh K đi làm và sinh sống tại địa chỉ: Số 22, đường Ngô Quyền, phường 6, thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên cãi nhau, anh K ghen tuông vô cớ thường xuyên kiếm

chuyện chửi mắng, đánh đập và thậm chí có lần anh K gây ra thương tích đối với chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh K sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, anh chị cũng không gặp nhau nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung tên Phan Minh N, sinh ngày: 22/01/2021, hiện tại con đang sống cùng với gia đình anh K. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp anh K có yêu cầu nuôi con thì chị đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/7/2024, bị đơn anh Phan Minh K trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Mai Thị P về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, giữa anh chị cũng có cự cãi do bất đồng quan điểm về cuộc sống, chị P sống không chung thủy, công khai có quan hệ tình cảm với người khác, trong lúc nóng giận không kiềm chế được cảm xúc và hành vi của bản thân nên anh có gây ra thương tích cho chị P. Anh nhiều lần khuyên ngăn với mong muốn chị Phương sẽ thay đổi để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, cùng làm ăn để chăm lo cho gia đình nhưng chị P vẫn không thay đổi. Từ tháng 11/2023, anh và chị P sống ly thân và cũng từ đó cho đến nay anh chị không liên lạc, gặp nhau nhằm hàn gắn đoàn tụ. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có một con chung như chị P trình bày. Anh yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn và đồng ý với mức chị P cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị P không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị P được ly hôn với anh K.

+ Về con chung: Chị P và anh K có một con chung tên Phan Minh N, sinh ngày: 22/01/2021. Sau khi ly hôn, anh K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phan Minh N.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị P có nghĩa cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh K cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Mai Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Phan Minh K có nơi cư trú tại ấp HP, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Mai Thị P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn anh Phan Minh K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Mai Thị P, anh Phan Minh K theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị P và anh Phan Minh K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị P cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh K không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống nên anh chị thường xuyên cãi nhau, anh K ghen tuông vô cớ nên thường xuyên kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập và gây ra thương tích cho chị. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh K sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay, chị và anh K không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên xin được ly hôn. Anh K cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị P cũng không hạnh phúc, trong thời gian anh chị vẫn còn là vợ chồng nhưng chị P sống không chung thủy. Anh và chị P cũng có thời gian sống ly thân và hiện tại không thể hàn gắn đoàn tụ được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị P. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời ý chí của anh chị là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận chị P và anh K thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh K có một con chung tên Phan Minh N, sinh ngày: 22/01/2021. Anh K yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi chị P và anh K sống ly thân cho đến nay thì cháu N sống cùng với gia đình của anh K. Anh K và gia đình cũng đảm bảo về điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Đồng thời, chị P cũng đồng ý giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống không bị thay đổi và sự phát triển bình thường của con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao con chung là Phan Minh N cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị P đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh K cũng thống nhất với mức cấp dưỡng mà chị P đưa ra nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh K cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị P và anh K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị P, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị P và anh Phan Minh K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Mai Thị P và anh Phan Minh K có một con chung tên Phan Minh N, sinh ngày: 22/01/2021.

Sau khi ly hôn, anh Phan Minh K được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Minh N.

Chị Mai Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là Phan Minh N mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Mai Thị P, anh Phan Minh K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Mai Thị P, anh Phan Minh K có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Mai Thị P và anh Phan Minh K không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Mai Thị P và anh Phan Minh K không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Mai Thị P phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002106 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Mai Thị P được hoàn lại số tiền chênh lệch là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Anh Phan Minh K phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã ĐP;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.